

ĐỀ THI VÀ ĐÁP ÁN
THI KẾT THÚC HỌC PHẦN
Học kỳ 2, năm học 2024-2025 – **LẦN 2**

I. Thông tin chung

Tên học phần:	Nguyên lý kế toán			
Mã học phần:	71ACCT20023	Số tín chỉ:	3	
Mã nhóm lớp học phần:	242_71ACCT20023_03,04,05,06,07,08,09,10,11			
Hình thức thi:	Trắc nghiệm kết hợp Tự luận	Thời gian làm bài:	75	phút
Thí sinh được tham khảo tài liệu:	☒ Sinh viên được sử dụng tài liệu giấy	☐ Không		

II. Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO
(Phần này phải phối hợp với thông tin từ đề cương chi tiết của học phần)

Các yêu Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/PI
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CLO 1	Vận dụng kiến thức tổng quan kế toán xử lý các tình huống có liên quan	Trắc nghiệm	30%	Câu 1, 2, 3, 4, 5,6,7, 8	3	PI1.2
CLO 2	Vận dụng qui luật Nợ - Có để xác định sự biến động của các đối tượng kế toán trong từng nghiệp vụ kinh tế phát sinh	Trắc nghiệm + Tự luận	30% 10%	Câu 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15 Câu tự luận	3 1	PI2.2
CLO 3	Thực hiện từng bước của chu trình kế toán đối với những nghiệp vụ kinh tế giản đơn	Tự luận	30%	Câu tự luận	3	PI7.1

III. Nội dung câu hỏi thi

PHẦN TRẮC NGHIỆM (6.0 điểm) bao gồm 15 câu, mỗi câu 0.4 điểm

Câu 1 (random 1 trong 3 câu)

Câu 1a-CLO1-[lần 1]

Nghiệp vụ kinh tế nào sau đây chỉ ảnh hưởng đến phần TÀI SẢN trên phương trình kế toán?

- A. Mua hàng hóa thanh toán bằng chuyển khoản
- B. Chuyển khoản thanh toán lương tháng trước cho công nhân viên.
- C. Vay ngân hàng trả nợ cho nhà cung cấp
- D. Mua Tài sản cố định hữu hình chưa trả tiền người bán.

ANSWER: A

Câu 1b-CLO1-[lần 1]

Nghiệp vụ kinh tế nào sau đây không ảnh hưởng đến phần TÀI SẢN trên phương trình kế toán?

- A. Vay ngân hàng trả nợ cho nhà cung cấp
- B. Chi tiền mặt mua công cụ dụng cụ nhập kho
- C. Chuyển khoản trả nợ vay ngân hàng
- D. Rút tiền gửi ngân hàng nhập quỹ tiền mặt.

ANSWER: A

Câu 1c-CLO1-[lần 1]

Nghiệp vụ kinh tế nào sau đây chỉ ảnh hưởng đến phần NGUỒN VỐN trên phương trình kế toán?

- A. Vay ngân hàng trả nợ cho nhà cung cấp
- B. Chi tiền mặt tạm ứng cho nhân viên đi công tác
- C. Bán lô hàng hóa cho khách hàng, chưa thu tiền
- D. Mua hàng hóa nhập kho chưa thanh toán tiền cho nhà cung cấp

ANSWER: A

Câu 2 (random 1 trong 3 câu)

Câu 2a-CLO1-[lần 1]

Số dư cuối kỳ của tài khoản “Hàng hóa” được trình bày trên Bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc nào?

- A. Ghi số dương bên phần tài sản
- B. Ghi số âm bên phần tài sản
- C. Ghi số dương bên phần nguồn vốn
- D. Không trình bày trên Bảng cân đối kế toán

ANSWER: A

Câu 2b-CLO1-[lần 1]

Số dư cuối kỳ của tài khoản “Phải trả cho người bán” được trình bày trên Bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc nào?

- A. Ghi số dương bên phần nguồn vốn
- B. Ghi số dương bên phần tài sản
- C. Ghi số âm bên phần tài sản
- D. Không trình bày trên Bảng cân đối kế toán

ANSWER: A

Câu 2c-CLO1-[lần 1]

Số dư cuối kỳ của tài khoản “Tiền mặt” được trình bày trên Bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc nào?

- A. Ghi số dương bên phần tài sản
- B. Ghi số âm bên phần tài sản
- C. Ghi số dương bên phần nguồn vốn
- D. Không trình bày trên Bảng cân đối kế toán

ANSWER: A

Câu 3 (random 1 trong 3 câu)

Câu 3a-CLO1-[lần 1]

Nghiệp vụ “Mua hàng hóa thanh toán bằng chuyển khoản, giá trị lô hàng là 100.000.000 đồng” sẽ làm cho:

- A. Tổng tài sản và tổng nguồn vốn không đổi
- B. Tổng tài sản và tổng nguồn vốn cùng tăng 100.000.000 đồng
- C. Tổng tài sản và tổng nguồn vốn cùng giảm 100.000.000 đồng
- D. Tổng tài sản tăng 100.000.000 đồng và tổng nguồn vốn giảm 100.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu 3b-CLO1-[lần 1]

Nghiệp vụ “Mua hàng hóa thanh toán bằng chuyển khoản, giá trị lô hàng là 100.000.000 đồng” sẽ làm cho:

- A. Một khoản tài sản tăng 100.000.000 đồng và một khoản tài sản khác giảm 100.000.000 đồng
- B. Một khoản nợ phải trả tăng 100.000.000 đồng và một tài sản tăng 100.000.000 đồng
- C. Một khoản nợ phải trả giảm 100.000.000 đồng và một tài sản tăng 100.000.000 đồng
- D. Một khoản nợ phải trả giảm 100.000.000 đồng và một tài sản giảm 100.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu 3c-CLO1-[lần 1]

Nghiệp vụ “Mua hàng hóa chưa thanh toán cho người bán, giá trị lô hàng là 100.000.000 đồng” sẽ làm cho:

- A. Tổng tài sản và tổng nguồn vốn cùng tăng 100.000.000 đồng
- B. Tổng tài sản và tổng nguồn vốn cùng giảm 100.000.000 đồng
- C. Tổng tài sản và tổng nguồn vốn không đổi
- D. Tổng tài sản tăng 100.000.000 đồng và tổng nguồn vốn giảm 100.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu 4 (random 1 trong 3 câu)

Câu 4a-CLO1-[lần 1]

Đầu kỳ, tổng tài sản của công ty ABC là 550.000.000 đồng, tổng Vốn chủ sở hữu là 350.000.000 đồng. Trong kỳ, tổng Nợ phải trả giảm 40.000.000 đồng. Hỏi tổng Nợ phải trả cuối kỳ là bao nhiêu?

- A. 160.000.000 đồng
- B. 200.000.000 đồng
- C. 240.000.000 đồng
- D. 210.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu 4b-CLO1-[lần 1]

Đầu kỳ, tổng tài sản của công ty ABC là 1.500.000.000 đồng, tổng nợ phải trả là 500.000.000 đồng. Trong kỳ, tổng vốn chủ sở hữu tăng 100.000.000 đồng. Hỏi tổng vốn chủ sở hữu cuối kỳ là bao nhiêu?

- A. 1.100.000.000 đồng
- B. 600.000.000 đồng
- C. 900.000.000 đồng
- D. 1.400.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu 4c-CLO1-[lần 1]

Đầu kỳ, tổng tài sản của công ty ABC là 1.500.000.000 đồng, tổng nợ phải trả là 500.000.000 đồng. Trong kỳ, tổng vốn chủ sở hữu giảm 100.000.000 đồng. Hỏi tổng vốn chủ sở hữu cuối kỳ là bao nhiêu?

- A. 900.000.000 đồng
- B. 600.000.000 đồng
- C. 1.100.000.000 đồng
- D. 1.400.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu 5 (random 1 trong 3 câu)

Câu 5a-CLO1-[lần 1]

Chi phí khi doanh nghiệp thanh lý tài sản cố định được ghi nhận vào khoản mục nào sau đây trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh?

- A. Chi phí khác
- B. Chi phí quản lý doanh nghiệp

- C. Chi phí bán hàng
- D. Giá vốn hàng bán

ANSWER: A

Câu 5b-CLO1-[lần 1]

Thu nhập khi doanh nghiệp thanh lý tài sản cố định được ghi nhận vào khoản mục nào sau đây trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh?

- A. Thu nhập khác
- B. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
- C. Doanh thu hoạt động tài chính
- D. Doanh thu chưa thực hiện

ANSWER: A

Câu 5c-CLO1-[lần 1]

Chi phí khi doanh nghiệp bị phạt do vi phạm hợp đồng bán hàng được ghi nhận vào khoản mục nào sau đây trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh?

- A. Chi phí khác
- B. Chi phí quản lý doanh nghiệp
- C. Chi phí bán hàng
- D. Giá vốn hàng bán

ANSWER: A

Câu 6 (random 1 trong 3 câu)

Câu 6a-CLO2-[lần 1]

Nguyên tắc ghi sổ của tài khoản “Doanh thu chưa thực hiện” là:

- A. Tăng ghi bên Có, giảm ghi bên Nợ, số dư cuối kỳ nằm bên Có
- B. Tăng ghi bên Nợ, giảm ghi bên Có, số dư cuối kỳ nằm bên Nợ
- C. Tăng ghi bên Có, giảm ghi bên Nợ, không có số dư cuối kỳ
- D. Tăng ghi bên Nợ, giảm ghi bên Có, không có số dư cuối kỳ

ANSWER: A

Câu 6b-CLO2- [lần 1]

Nguyên tắc ghi sổ của tài khoản “Chi phí trả trước” là:

- A. Tăng ghi bên Nợ, giảm ghi bên Có, số dư cuối kỳ nằm bên Nợ
- B. Tăng ghi bên Có, giảm ghi bên Nợ, số dư cuối kỳ nằm bên Có
- C. Tăng ghi bên Có, giảm ghi bên Nợ, không có số dư cuối kỳ
- D. Tăng ghi bên Nợ, giảm ghi bên Có, không có số dư cuối kỳ

ANSWER: A

Câu 6c-CLO2-[lần 1]

Nguyên tắc ghi sổ của tài khoản “Chi phí bán hàng” là:

- A. Tăng ghi bên Nợ, giảm ghi bên Có, không có số dư cuối kỳ
- B. Tăng ghi bên Có, giảm ghi bên Nợ, số dư cuối kỳ nằm bên Có
- C. Tăng ghi bên Có, giảm ghi bên Nợ, không có số dư cuối kỳ
- D. Tăng ghi bên Nợ, giảm ghi bên Có, số dư cuối kỳ nằm bên Nợ

ANSWER: A

Câu 7 (random 1 trong 3 câu)

Câu 7a-CLO2-[lần 1]

Nội dung nào sau đây phù hợp với bút toán “Nợ TK 156/Có TK 331”?

- A. Mua hàng hóa nhập kho chưa thanh toán cho người bán.
- B. Thanh toán nợ cho người bán
- C. Mua tài sản cố định chưa thanh toán cho người bán
- D. Mua công cụ dụng cụ nhập kho chưa thanh toán cho người bán

ANSWER: A

Câu 7b-CLO2-[lần 1]

Nội dung nào sau đây phù hợp với bút toán “Nợ TK 153/Có TK 331”?

- A. Mua công cụ dụng cụ nhập kho chưa thanh toán cho người bán

- B. Thanh toán nợ cho người bán
- C. Mua tài sản cố định chưa thanh toán cho người bán
- D. Mua hàng hóa nhập kho chưa thanh toán cho người bán.

ANSWER: A

Câu 7c-CLO2-[lần 1]

Nội dung nào sau đây phù hợp với bút toán “Nợ TK 211/Có TK 112”?

- A. Mua tài sản cố định hữu hình thanh toán bằng chuyển khoản.
- B. Mua công cụ dụng cụ thanh toán bằng chuyển khoản
- C. Thu tiền bán tài sản cố định hữu hình
- D. Mua tài sản cố định hữu hình chưa thanh toán cho người bán

ANSWER: A

Câu 8 (random 1 trong 3 câu)

Câu 8a-CLO1, CLO2-[lần 1]

Nghiệp vụ “Nhận được tiền mặt từ khách hàng thanh toán tiền hàng đã mua từ tháng trước” được ghi sổ nhật ký:

- A. Nợ TK 111/Có TK 131
- B. Nợ TK 111/Có TK 511
- C. Nợ TK 111/Có TK 711
- D. Nợ TK 331/Có TK 111

ANSWER: A

Câu 8b- CLO1, CLO2-[lần 1]

Nghiệp vụ “Bán hàng cho khách hàng – chưa thu tiền” được ghi sổ nhật ký:

- A. Nợ TK 131/Có TK 511
- B. Nợ TK 131/Có TK 515
- C. Nợ TK 131/Có TK 711
- D. Nợ TK 112/Có TK 131

ANSWER: A

Câu 8c- CLO1, CLO2-[lần 1]

Nghiệp vụ “Tiền điện cho bộ phận quản lý tháng này là 5.000.000 đồng, chưa thanh toán” được ghi sổ nhật ký:

- A. Nợ TK 642/Có TK 331
- B. Nợ TK 331/Có TK 642
- C. Nợ TK 641/Có TK 331
- D. Nợ TK 331/Có TK 112

ANSWER: A

Câu 9 (random 1 trong 3 câu)

Câu 9a-CLO2-[lần 1]

Nghiệp vụ “Chuyển khoản mua một chiếc ô tô 7 chỗ có thời gian sử dụng ước tính 10 năm dùng ngay cho bộ phận quản lý công ty, trị giá 800.000.000 đồng” được ghi sổ nhật ký:

- A. Nợ TK 211 800.000.000
 Có TK 112 800.000.000
- B. Nợ TK 242 800.000.000
 Có TK 112 800.000.000
- C. Nợ TK 642 800.000.000
 Có TK 331 800.000.000
- D. Nợ TK 642 800.000.000
 Có TK 112 800.000.000

ANSWER: A

Câu 9b-CLO2-[lần 1]

Nghiệp vụ “Chi tiền mặt mua một cái quạt máy có thời gian phân bổ hợp lý 24 tháng dùng ngay tại cửa hàng, trị giá 1.500.000 đồng” được ghi sổ nhật ký:

- A. Nợ TK 242 1.500.000
 Có TK 111 1.500.000
- B. Nợ TK 211 1.500.000

Có TK 111 1.500.000
C. Nợ TK 641 1.500.000
 Có TK 111 1.500.000
D. Nợ TK 153 1.500.000
 Có TK 111 1.500.000

ANSWER: A

Câu 9c-CLO2-[lần 1]

Nghiệp vụ “Chuyển khoản mua văn phòng phẩm nhập kho trị giá 2.000.000 đồng” được ghi sổ nhật ký:

A. Nợ TK 153 2.000.000
 Có TK 112 2.000.000
B. Nợ TK 211 2.000.000
 Có TK 112 2.000.000
C. Nợ TK 641 24.000.000
 Có TK 112 2.000.000
D. Nợ TK 242 2.000.000
 Có TK 112 2.000.000

ANSWER: A

Câu 10 (random 1 trong 3 câu)

Câu 10a-CLO1- [lần 1]

Ngày 31/01/N, công ty ABC có tổng tài sản là 700.000.000 đồng. Trong ngày 01/02, các bút toán nhật ký được ghi nhận tại công ty (ĐVT: đồng):

Nợ TK 156	100.000.000
Có TK 112	100.000.000

Vậy số dư vào cuối ngày 01/02/N (sau khi phát sinh nghiệp vụ trên) của tổng tài sản và tổng nguồn vốn bằng:

- A.** 700.000.000 đồng
- B.** 800.000.000 đồng
- C.** 600.000.000 đồng
- D.** 500.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu 10b-CLO1-[lần 1]

Ngày 31/01/N, công ty ABC có tổng tài sản là 1.400.000.000 đồng. Trong ngày 01/02, bút toán nhật ký được ghi nhận tại công ty (ĐVT: đồng):

Nợ TK 331	100.000.000
Có TK 112	100.000.000

Vậy số dư vào cuối ngày 01/02/N (sau khi phát sinh nghiệp vụ trên) của tổng tài sản và tổng nguồn vốn bằng:

- A. 1.300.000.000 đồng
- B. 1.400.000.000 đồng
- C. 1.500.000.000 đồng
- D. 1.200.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu 10c-CLO2- [lần 1]

Ngày 31/01/N, công ty ABC có tổng tài sản là 900.000.000 đồng. Trong ngày 01/02, bút toán nhật ký được ghi nhận tại công ty (ĐVT: đồng):

Nợ TK 341	200.000.000
Có TK 111	200.000.000

Vậy số dư vào cuối ngày 01/02/N (sau khi phát sinh nghiệp vụ trên) của tổng tài sản và tổng nguồn vốn bằng:

- A. 700.000.000 đồng
- B. 900.000.000 đồng
- C. 1.100.000.000 đồng
- D. 200.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu 11 (random 1 trong 3 câu)

Câu 11a-CLO2-[lần 1]

Công ty ABC áp dụng kỳ kế toán tháng, ngày 1/12/N, công ty ABC xuất kho một cái quạt máy trị giá 2.000.000 đồng có thời gian phân bổ hợp lý 10 tháng, bắt đầu từ tháng này ra sử dụng tại phòng Kế toán. Vậy bút toán điều chỉnh tại ngày 31/12/N là:

- A. Nợ TK 642 200.000
 Có TK 242 200.000
- B. Nợ TK 642 2.000.000
 Có TK 242 2.000.000
- C. Nợ TK 642 200.000
 Có TK 153 200.000
- D. Nợ TK 642 2.000.000
 Có TK 153 2.000.000

ANSWER: A

Câu 11b-CLO2-[lần 1]

Công ty ABC áp dụng kỳ kế toán tháng, ngày 1/12/N, công ty ABC xuất kho một cái quạt máy trị giá 3.000.000 đồng có thời gian phân bổ hợp lý 10 tháng, bắt đầu từ tháng này ra sử dụng tại phòng Kế toán. Vậy bút toán điều chỉnh tại ngày 31/12/N là:

- A. Nợ TK 642 300.000
 Có TK 242 300.000
- B. Nợ TK 642 3.000.000
 Có TK 242 3.000.000
- C. Nợ TK 642 300.000
 Có TK 153 300.000
- D. Nợ TK 642 3.000.000
 Có TK 153 3.000.000

ANSWER: A

Câu 11c-CLO2-[lần 1]

Công ty ABC áp dụng kỳ kế toán tháng, ngày 1/12/N, công ty ABC xuất kho một cái quạt máy trị giá 4.000.000 đồng có thời gian phân bổ hợp lý 10 tháng, bắt đầu từ tháng này ra sử dụng tại cửa hàng. Vậy bút toán điều chỉnh tại ngày 31/12/N là:

- A. Nợ TK 641 400.000

	Có TK 242	400.000
B.	Nợ TK 641	4.000.000
	Có TK 242	4.000.000
C.	Nợ TK 641	400.000
	Có TK 153	400.000
D.	Nợ TK 641	4.000.000
	Có TK 153	4.000.000

ANSWER: A

Câu 12 (random 1 trong 3 câu)

Câu 12a-CLO2-[lần 1]

Công ty ABC áp dụng kỳ kế toán tháng, ngày 1/12/N, Công ty ABC mua một xe ô tô 7 chỗ dành riêng để đưa đón giám đốc công ty, giá trị ô tô là 1.200.000.000 đồng, thời gian sử dụng ước tính 10 năm bắt đầu từ ngày 1/12/N. Vậy bút toán điều chỉnh để ghi nhận chi phí khấu hao tại ngày 31/12/N là:

A.	Nợ TK 642	10.000.000
	Có TK 214	10.000.000
B.	Nợ TK 642	10.000.000
	Có TK 242	10.000.000
C.	Nợ TK 641	10.000.000
	Có TK 214	10.000.000
D.	Nợ TK 641	10.000.000
	Có TK 242	10.000.000

ANSWER: A

Câu 12b-CLO2-[lần 1]

Công ty ABC áp dụng kỳ kế toán tháng, ngày 1/12/N, Công ty ABC mua một xe ô tô 7 chỗ dành riêng để đưa đón giám đốc công ty, giá trị ô tô là 2.400.000.000 đồng, thời gian sử dụng ước tính 10 năm bắt đầu từ ngày 1/12/N. Vậy bút toán điều chỉnh để ghi nhận chi phí khấu hao tại ngày 31/12/N là:

A. Nợ TK 642 20.000.000

 Có TK 214 20.000.000

B. Nợ TK 642 20.000.000

 Có TK 242 20.000.000

C. Nợ TK 641 20.000.000

 Có TK 214 20.000.000

D. Nợ TK 641 20.000.000

 Có TK 242 20.000.000

ANSWER: A

Câu 12c-CLO2-[lần 1]

Công ty ABC áp dụng kỳ kế toán tháng, ngày 1/12/N, Công ty ABC mua một xe ô tô 7 chỗ dành riêng để đưa đón giám đốc công ty, giá trị ô tô là 600.000.000 đồng, thời gian sử dụng ước tính 10 năm bắt đầu từ ngày 1/12/N. Vậy bút toán điều chỉnh để ghi nhận chi phí khấu hao tại ngày 31/12/N là:

A. Nợ TK 642 5.000.000

 Có TK 214 5.000.000

B. Nợ TK 642 5.000.000

 Có TK 242 5.000.000

C. Nợ TK 641 5.000.000

 Có TK 214 5.000.000

D. Nợ TK 641 5.000.000

 Có TK 242 5.000.000

ANSWER: A

Câu 13 (random 1 trong 3 câu)

Câu 13a-CLO2-[lần 1]

Thông tin tình hình kinh doanh công ty ABC trong năm N như sau:

- + Tổng doanh thu bán hàng: 2.200.000.000 đồng
- + Chi phí phát sinh tại bộ phận quản lý doanh nghiệp: 630.000.000 đồng
- + Tổng trị giá xuất kho của hàng hóa bán ra: 1.250.000.000 đồng
- + Giảm giá hàng bán 200.000.000 đồng
- + Chi phí phục vụ cho công tác bán hàng: 350.000.000 đồng
- + Lãi từ tiền gửi tiết kiệm: 35.000.000 đồng
- + Công ty phải bồi thường do vi phạm hợp đồng: 10.000.000 đồng

Bút toán khóa sổ các tài khoản doanh thu, thu nhập sẽ làm phát sinh:

- A. Bên Có TK 911: 2.035.000.000
- B. Bên Có TK 911: 2.045.000.000
- C. Bên Có TK 911: 2.235.000.000
- D. Bên Có TK 911: 2.245.000.000

ANSWER: A

Câu 13b-CLO2-[lần 1]

Thông tin tình hình kinh doanh công ty ABC trong năm N như sau:

- + Tổng doanh thu bán hàng: 2.200.000.000 đồng
- + Chi phí phát sinh tại bộ phận quản lý doanh nghiệp: 630.000.000 đồng
- + Tổng trị giá xuất kho của hàng hóa bán ra: 1.250.000.000 đồng
- + Giảm giá hàng bán 200.000.000 đồng
- + Chi phí phục vụ cho công tác bán hàng: 350.000.000 đồng
- + Lãi từ tiền gửi tiết kiệm: 35.000.000 đồng
- + Công ty phải bồi thường do vi phạm hợp đồng: 10.000.000 đồng

Bút toán khóa sổ các tài khoản chi phí sẽ làm phát sinh:

- A. Bên Nợ TK 911: 2.240.000.000
- B. Bên Nợ TK 911: 2.230.000.000
- C. Bên Nợ TK 911: 2.030.000.000
- D. Bên Nợ TK 911: 2.040.000.000

ANSWER: A

Câu 13c-CLO2-[lần 1]

Thông tin tình hình kinh doanh công ty ABC trong năm N như sau:

- + **Tổng doanh thu bán hàng: 2.200.000.000 đồng**
- + **Chi phí phát sinh tại bộ phận quản lý doanh nghiệp: 630.000.000 đồng**
- + **Tổng trị giá xuất kho của hàng hóa bán ra: 1.400.000.000 đồng**
- + **Giảm giá hàng bán 200.000.000 đồng**
- + **Chi phí phục vụ cho công tác bán hàng: 350.000.000 đồng**
- + **Lãi từ tiền gửi tiết kiệm: 35.000.000 đồng**
- + **Công ty phải bồi thường do vi phạm hợp đồng: 10.000.000 đồng**

Bút toán khóa sổ các tài khoản chi phí sẽ làm phát sinh:

- A. Bên Nợ TK 911: 2.390.000.000
- B. Bên Nợ TK 911: 2.380.000.000
- C. Bên Nợ TK 911: 2.190.000.000
- D. Bên Nợ TK 911: 2.180.000.000

ANSWER: A

Câu 14 (random 1 trong 3 câu)

Câu 14a-CLO2-[lần 1]

Nghiệp vụ “Chuyển khoản thanh toán lương tháng này cho nhân viên bán hàng” được ghi sổ nhật ký:

- A. Nợ TK 641/Có TK 112
- B. Nợ TK 642/Có TK 112
- C. Nợ TK 112/Có TK 641
- D. Nợ TK 112/Có TK 642

ANSWER: A

Câu 14b-CLO2-[lần 1]

Nghiệp vụ “Chuyển khoản thanh toán lương tháng này cho bộ phận quản lý doanh nghiệp” được ghi sổ nhật ký:

- A. Nợ TK 642/Có TK 112

- B. Nợ TK 641/Có TK 112
- C. Nợ TK 112/Có TK 641
- D. Nợ TK 112/Có TK 642

ANSWER: A

Câu 14c-CLO2-[lần 1]

Nghiệp vụ “Chuyển khoản thanh toán lương nợ từ tháng trước cho nhân viên bán hàng” được ghi sổ nhật ký:

- A. Nợ TK 334/Có TK 112
- B. Nợ TK 641/Có TK 112
- C. Nợ TK 112/Có TK 334
- D. Nợ TK 112/Có TK 641

ANSWER: A

Câu 15 (random 1 trong 3 câu)

Câu 15a-CLO2-[lần 1]

Công ty ABC thực hiện kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính giá hàng xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền. Đầu tháng 10/N, công ty có 300 sản phẩm với đơn giá 150.000 đồng/sản phẩm. Ngày 10/10/N, công ty đã chuyển khoản mua nhập kho 100 sản phẩm, đơn giá 160.000 đồng/sản phẩm. Ngày 20/10, công ty xuất kho bán 350 sản phẩm cho khách hàng với giá bán 220.000 đồng/sản phẩm. Giá vốn hàng bán được ghi nhận tại ngày 20/10/N là:

- A. 53.375.000 đồng
- B. 52.500.000 đồng
- C. 56.000.000 đồng
- D. 54.250.000 đồng

ANSWER: A

Câu 15b-CLO2-[lần 1]

Công ty ABC thực hiện kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính giá hàng xuất kho theo phương pháp bình quân. Đầu tháng 10/N, công ty có 300 sản phẩm với đơn giá 150.000 đồng/sản phẩm. Ngày 10/10/N, công ty đã chuyển khoản mua nhập kho 100 sản phẩm, đơn giá 160.000 đồng/sản phẩm. Ngày 20/10, công ty

xuất kho bán 300 sản phẩm cho khách hàng với giá bán 220.000 đồng/sản phẩm. Giá vốn hàng bán được ghi nhận tại ngày 20/10/N là

- A. 45.750.000 đồng
- B. 45.000.000 đồng
- C. 48.000.000 đồng
- D. 46.500.000 đồng

ANSWER: A

Câu 15c-CLO2-[lần 1]

Công ty ABC thực hiện kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính giá hàng xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền. Đầu tháng 10/N, công ty có 300 sản phẩm với đơn giá 150.000 đồng/sản phẩm. Ngày 10/10/N, công ty đã chuyển khoản mua nhập kho 100 sản phẩm, đơn giá 160.000 đồng/sản phẩm. Ngày 20/10, công ty xuất kho bán 200 sản phẩm cho khách hàng với giá bán 220.000 đồng/sản phẩm. Giá vốn hàng bán được ghi nhận tại ngày 20/10/N là

- A. 30.500.000 đồng
- B. 30.000.000 đồng
- C. 32.000.000 đồng
- D. 31.000.000 đồng

ANSWER: A

PHẦN TỰ LUẬN (4.0 điểm)

Câu TL-CLO3 - [lần 1] Random 1 trong 2 câu

Câu TL1-CLO3 – [lần 1]

Công ty TNHH ABC bắt đầu hoạt động kinh doanh từ ngày 01/01/N, chuyên phân phối máy chiếu. Một số tài liệu phát sinh tại công ty như sau:

Tài liệu 1: Số dư của một số tài khoản kế toán tại ngày 30/11/N (đơn vị tính: đồng)

- Hàng hóa: 600.000.000
- Tài sản cố định hữu hình: 1.200.000.000
- Các tài khoản khác đều có số dư hợp lý.

Thông tin chi tiết bổ sung:

- Lô hàng hóa hiện có trong kho bao gồm 30 cái máy chiếu với đơn giá gốc 20.000.000 đồng/cái

- Tài sản cố định là một xe tải dùng giao hàng có thời gian sử dụng ước tính 10 năm, bắt đầu sử dụng từ ngày 01/02/N.

Tài liệu 2: Một số chính sách kế toán áp dụng tại công ty

- Kỳ kế toán: tháng
- Kế toán hàng tồn kho: theo phương pháp kê khai thường xuyên, xác định giá trị hàng xuất kho theo phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO).

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong tháng 12 năm N như sau:

- (1) Ngày 1, chuyển khoản thanh toán toàn bộ tiền thuê văn phòng 6 tháng cho công ty X, thời gian thuê bắt đầu từ ngày 1/12/N, tiền thuê mỗi tháng 10.000.000 đồng.
- (2) Ngày 10, xuất kho bán 20 cái máy chiếu cho công ty Y với giá bán 30.000.000 đồng/cái, công ty Y đã chuyển khoản thanh toán tiền hàng.
- (3) Ngày 30, chuyển khoản thanh toán lương tháng 12/N cho người lao động, trong đó bao gồm:
 - Lương nhân viên bán hàng: 85.000.000 đồng
 - Lương phòng ban quản lý doanh nghiệp: 92.000.000 đồng.
- (4) Ngày 31, mua chịu 5 cái máy chiếu nhập kho với giá mua 21.000.000 đồng/cái.

Thực hiện các yêu cầu sau:

- Ghi sổ nhật ký (định khoản) các nghiệp vụ phát sinh trong tháng 12/N (2,0 điểm)*
- Thực hiện các bút toán điều chỉnh cần thiết tại ngày 31/12/N (0,8 điểm)*
- Thực hiện các bút toán khóa sổ tài khoản tạm thời tại ngày 31/12/N (1,2 điểm)*

Câu TL2-CLO3 – [lần 1]

Công ty TNHH ABC bắt đầu hoạt động kinh doanh từ ngày 01/01/N, chuyên phân phối máy chiếu. Một số tài liệu phát sinh tại công ty như sau:

Tài liệu 1: Số dư của một số tài khoản kế toán tại ngày 30/11/N (đơn vị tính: đồng)

- Hàng hóa: 500.000.000
- Tài sản cố định hữu hình: 2.400.000.000
- Các tài khoản khác đều có số dư hợp lý.

Thông tin chi tiết bổ sung:

- Lô hàng hóa hiện có trong kho bao gồm 25 cái máy chiếu với đơn giá gốc 20.000.000 đồng/cái

- Tài sản cố định là một xe tải dùng giao hàng có thời gian sử dụng ước tính 10 năm, bắt đầu sử dụng từ ngày 01/02/N.

Tài liệu 2: Một số chính sách kế toán áp dụng tại công ty

- Kỳ kế toán: tháng
- Kế toán hàng tồn kho: theo phương pháp kê khai thường xuyên, xác định giá trị hàng xuất kho theo phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO).

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong tháng 12 năm N như sau:

- (1) Ngày 1, chuyển khoản thanh toán toàn bộ tiền thuê cửa hàng 12 tháng cho công ty X, thời gian thuê bắt đầu từ ngày 1/12/N, tiền thuê mỗi tháng 10.000.000 đồng.
- (2) Ngày 10, xuất kho bán 10 cái máy chiếu cho công ty Y với giá bán 35.000.000 đồng/cái, công ty Y chưa thanh toán tiền hàng.
- (3) Ngày 30, ghi nhận tiền lương tháng 12/N phải trả cho người lao động, trong đó bao gồm:
 - Lương nhân viên bán hàng: 35.000.000 đồng
 - Lương phòng ban quản lý doanh nghiệp: 33.000.000 đồng.
- (4) Ngày 31, mua chịu một số công cụ nhập kho với giá mua 4.000.000 đồng.

Thực hiện các yêu cầu sau:

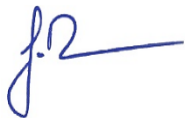
- Ghi sổ nhật ký (định khoản) các nghiệp vụ phát sinh trong tháng 07/N (2,0 điểm)*
 - Thực hiện các bút toán điều chỉnh cần thiết tại ngày 31/07/N (0,8 điểm)*
 - Thực hiện các bút toán khóa sổ tài khoản tạm thời tại ngày 31/07/N (1,2 điểm)*
-

ĐÁP ÁN PHẦN TỰ LUẬN VÀ THANG ĐIỂM

[illegible]

	Có TK 421	28.000.000		
Câu TL 2	(1) Nợ TK 242	120.000.000	0.4	
	Có TK 112	120.000.000		
	(3) Nợ TK 632	200.000.000	0.4	
	Có TK 156	200.000.000		
	Nợ TK 131	350.000.000		
	Có TK 511	350.000.000	0.4	
	(4) Nợ TK 641	35.000.000		
	Nợ TK 642	33.000.000	0.4	
	Có TK 334	68.000.000		
	(2) Nợ TK 153	4.000.000	0.4	
	Có TK 331	4.000.000		
	Yêu cầu (ii):			
	(1) Nợ TK 641	20.000.000	0.4	
	Có TK 214	20.000.000		
	(2) Nợ TK 641	10.000.000	0.4	
	Có TK 242	10.000.000		
	Yêu cầu (iii):		0.4	
	(1) Nợ TK 511	350.000.000		
	Có TK 911	350.000.000	0.4	
	(2) Nợ TK 911	298.000.000		
	Có TK 632	200.000.000		
	Có TK 641	65.000.000		
	Có TK 642	33.000.000		
	(3) Nợ TK 911	52.000.000	0.4	
	Có TK 421	52.000.000		
	Điểm tổng	10.0		

NGƯỜI DUYỆT ĐỀ



ThS. Phan Minh Nguyệt

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2025
GIẢNG VIÊN RA ĐỀ



**ThS. Nguyễn Thị Phước/ ThS. Nguyễn Phạm
Thanh Thủy**